

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DA

CBGD: Nguyễn Thị Thu Hương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 3 / 2023

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620082	Cao Hoàng Liên Anh	15/12/2002	Nữ	10,0	6,5	8,3	001	<u>HL</u>		
2	115620095	Lữ Văn Bình	26/03/2002	Nam	9,5	5,5	7,5	002	<u>BVL</u>		
3	115620097	Lâm Hoàng Chương	24/12/2002	Nam	8,5	4,8	6,7	003	<u>Chia</u>		
4	115620101	Trịnh Hoàng Duy	28/05/2002	Nam	8,5	5,5	7,0	004	<u>Duy</u>		
5	115620104	Sơn Ngọc Dương	05/01/2002	Nam	8,5	4,0	6,3	005	<u>Dương</u>		
6	115620105	Thạch Văn Đại	30/12/2002	Nam	9,5	3,5	6,5	006	<u>Đ</u>		
7	115620122	Kiến Ngọc Thúy Hằng	15/01/2002	Nữ	8,5	7,3	7,9	007	<u>Thuy</u>		
8	115620142	Trần Thị Trúc Linh	13/12/2002	Nữ	8,5	5,0	6,8	008	<u>Tr</u>		
9	115620143	Phạm Tấn Lộc	28/01/2002	Nam	9,5	4,5	7,0	009	<u>L</u>		
10	115620154	Phạm Thanh Ngân	09/07/2002	Nữ	8,5	3,8	6,2	010	<u>Ng</u>		
11	115620155	Trần Thị Uyên Nghi	27/01/2002	Nữ	8,5	6,5	7,5	011	<u>Uy</u>		
12	115620170	Lê Ý Nhi	05/10/2002	Nữ	9,5	4,0	6,8	012	<u>N</u>		
13	115620186	Trần Nguyễn Anh Phương	12/05/2001	Nữ	8,5	4,0	6,3	013	<u>Ph</u>		
14	115620188	Châu Phú Quý	06/06/2002	Nam	8,5	5,5	7,0	014	<u>Ph</u>		
15	115620204	Thạch Thị Hồng Thắm	02/05/2002	Nữ	8,5	3,8	6,2	015	<u>Th</u>		
16	115620208	Nguyễn Kim Thoa	08/01/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	016	<u>Th</u>		
17	115620217	Phan Thị Minh Thư	18/08/2002	Nữ	8,5	5,8	7,2	017	<u>Th</u>		
18	115620239	Huỳnh Thị Cẩm Tú	16/10/2002	Nữ	9,5	4,8	7,2	018	<u>Th</u>		9,5 ^{su}
19	115620245	Ngô Hui Ú	03/09/2002	Nữ	9,5	5,8	7,7	019	<u>U</u>		
20	115620247	Trần Ngọc Thảo Uyên	25/12/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	020	<u>Th</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Toàn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DA

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 3 / 2023

Phòng thi: B71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620256	Nguyễn Việt Thái	25/08/1983	Nam	<u>9,5</u>	<u>5,3</u>	<u>7,4</u>	<u>021</u>	<u>[Chữ ký]</u>	Liên thông	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký]

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 2:

Nguyễn Thị Lành

22/3

D71.105

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DB

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....22/03/2023

Phòng thi:.....D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620085	Nguyễn Phạm Tú Anh	23/08/2002	Nữ	8,5	5,0	6,8	001	<u>UAK</u>		
2	115620086	Thạch Thuý Anh	30/01/2001	Nữ	8,5	4,0	6,3	002	<u>Ans</u>		
3	115620094	Huỳnh Như Bình	18/10/2002	Nữ	8,5	6,3	7,4	003	<u>Bt</u>		
4	115620096	Dương Thị Bích Châm	15/04/2002	Nữ	8,5	6,3	7,4	004	<u>cham</u>		
5	115620099	Nguyễn Thị Thuý Duy	13/04/2001	Nữ	8,5	5,5	7,0	005	<u>nghe</u>		
6	115620100	Nguyễn Trần Anh Duy	18/07/2002	Nam	8,5	5,5	7,0	006	<u>duy</u>		
7	115620103	Nguyễn Thùy Dương	12/01/2002	Nữ	8,5	5,8	7,2	007	<u>duy</u>		
8	115620108	Dương Lê Tất Đạt	03/06/2000	Nam	8,5	5,3	6,9	008	<u>dat</u>		
9	115620109	Nguyễn Khánh Đăng	19/12/2002	Nam	8,5	6,5	7,5	009	<u>khánh</u>		
10	115620113	Nguyễn Minh Đức	27/08/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	010	<u>duc</u>		
11	115620114	Võ Phạm Hữu Đức	20/09/2002	Nam	8,5	4,0	6,3	011	<u>duc</u>		
12	115620115	Trần Thanh Đạm	03/02/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	012	<u>dam</u>		
13	115620118	Phạm Lê Thiện Gia	17/10/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	013	<u>thien</u>		
14	115620119	Nguyễn Thị Ngọc Giang	04/08/2002	Nữ	8,5	6,8	7,7	014	<u>ngoc</u>		
15	115620121	Lê Ngọc Hà	09/11/2002	Nữ	9,5	5,8	7,7	015	<u>ha</u>		
16	115620124	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14/07/2002	Nữ	9,5	5,0	7,3	016	<u>nghe</u>		
17	115620125	Nguyễn Trần Gia Hân	01/05/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	017	<u>han</u>		
18	115620126	Tô Trần Gia Hân	26/10/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	018	<u>han</u>		
19	115620127	Mai Thanh Hiền	24/12/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	019	<u>thanh</u>		
20	115620128	Danh Thị Cẩm Hiếu	02/05/2002	Nữ	8,5	5,0	6,8	020	<u>hiu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị SươngCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

22/3
D71.106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DB

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/3/2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620129	Huỳnh Thị Minh	Hiếu	04/05/2002	Nữ	8,5	5,0	6,8	001		
2	115620131	Lâm Gia	Huy	28/04/2002	Nam	10,0	5,5	7,8	002		
3	115620133	Trần Nhã	Huyền	28/09/2002	Nữ	9,5	4,8	7,2	003		
4	115620136	Nguyễn Lê Công	Khả	22/09/2002	Nam	8,5	4,8	6,7	004		
5	115620141	Nguyễn Thị Trúc	Linh	24/08/2002	Nữ	9,5	6,0	7,8	005		
6	115620146	Kiên Thị Trúc	Ly	17/03/2001	Nữ	9,5	5,5	7,5	006		
7	115620152	Ngô Kim	Ngân	10/01/2002	Nữ	8,5	5,5	7,0	007		
8	115620166	Nguyễn Thủy	Nguyệt	09/08/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	008		
9	115620176	Phan Ngọc Quỳnh	Như	27/05/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	009		
10	115620178	Trần Ngọc	Nữ	15/06/2002	Nữ	8,5	6,0	7,3	010		
11	115620180	Đoàn Trọng	Phúc	25/05/2002	Nam	8,5	6,8	7,7	011		
12	115620187	Đinh Nguyễn Như	Phượng	10/12/2002	Nữ	9,5	6,3	7,9	012		
13	115620190	Trần Thị Mộng	Quỳnh	19/10/2002	Nữ	9,5	5,5	7,5	013		
14	115620194	Võ Thành	Tân	09/08/2001	Nam	8,5	4,5	6,5	014		
15	115620203	Thông Thụy	Tháp	06/07/2002	Nữ	8,5	5,3	6,9	015		
16	115620216	Lê Anh	Thư	15/03/2001	Nữ	8,5	5,8	7,2	016		
17	115620218	Phạm Nguyễn Anh	Thư	04/04/2002	Nữ	8,5	5,5	7,0	017		
18	115620221	Huỳnh Trung	Tín	03/01/2002	Nam	8,5	4,8	6,7	018		
19	115620225	Nguyễn Thị Diễm	Trang	12/12/2002	Nữ	9,5	6,0	7,8	019		
20	115620229	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	24/08/2002	Nữ	8,5	6,0	7,3	020		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DB

CBGD: Nguyễn Thị Thu Hương (MN14)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....12/3/2023.....

Phòng thi:.....12.11.151.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	115620230	Sơn Ngọc Trâm	10/04/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	001	<i>[Signature]</i>		
2	115620233	Đặng Kiều Trinh	02/07/2002	Nữ	9,5	6,3	7,9	002	<i>[Signature]</i>		
3	115620242	Ngô Quốc Tuấn	04/11/2002	Nam	8,5	6,5	7,5	003	<i>[Signature]</i>		
4	115620246	Lê Thị Uyên	19/10/2002	Nữ	9,5	4,0	6,8	012	<i>[Signature]</i>		
5	115620249	Kim Thúy Vi	04/07/2002	Nữ	9,5	4,8	7,2	004	<i>[Signature]</i>		
6	115620251	Nguyễn Huỳnh Tường Vy	07/06/2002	Nữ	8,5	5,8	7,2	005	<i>[Signature]</i>		5,8 ^h

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....86.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:86.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....86.....

Tổng số tờ:.....86.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

[Signature]
Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

[Signature]
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DC

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/3 / 3 / 2023Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115620083	Lê Minh Anh	08/08/2002	Nữ	8,5	3,3	5,9	002	<u>W</u>		
2	115620084	Nguyễn Ngọc Vân Anh	08/09/2002	Nữ	8,5	4,0	6,3	003	<u>Van Anh</u>		
3	115620112	Lê Quế Đoan	18/11/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	019	<u>Đoan</u>		
4	115620132	Võ Nhật Huy	07/04/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	004	<u>Huy</u>		
5	115620135	Nguyễn Thị Thu Huỳnh	15/06/2001	Nữ	9,5	4,5	7,0	005	<u>Thu Huynh</u>		
6	115620144	Nguyễn Hoàng Luân	06/02/2001	Nam	8,5	5,3	6,9	006	<u>Luân</u>		
7	115620147	Nguyễn Trúc Ly	30/06/2002	Nữ	9,0	4,8	6,9	007	<u>Ly</u>		
8	115620149	Vương Cẩm My	30/05/2002	Nữ	8,5	5,3	6,9	008	<u>My</u>		
9	115620160	Lê Trần Thị Như Ngọc	24/10/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	009	<u>Ngọc</u>		
10	115620161	Lê Võ Kim Ngọc	07/11/2002	Nữ	8,5	3,8	6,2	010	<u>Kim Ngọc</u>		
11	115620164	Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên	28/10/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	011	<u>Thảo Nguyên</u>		
12	115620168	Lê Khải Nhi	13/05/2002	Nữ	9,0	4,5	6,8	012	<u>Nhi</u>		
13	115620174	Nguyễn Huỳnh Như	18/05/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	001	<u>Huỳnh Như</u>		
14	115620175	Nguyễn Thị Quỳnh Như	01/12/2001	Nữ	8,5	5,3	6,9	013	<u>Quỳnh Như</u>		
15	115620179	Nguyễn Thị Ngọc Phiên	18/06/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	014	<u>Phiên</u>		
16	115620184	Lâm Hoàng Diệu Phương	11/06/2002	Nữ	8,5	5,0	6,8	020	<u>Phương</u>		
17	115620189	Kim Thị Diệu Quý	15/07/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	015	<u>Quý</u>		
18	115620191	Nguyễn Trúc Quỳnh	13/06/2002	Nữ	8,5	5,8	7,2	016	<u>Quỳnh</u>		
19	115620197	Bùi Ngọc Thiên Thanh	12/01/2002	Nữ	9,0	4,3	6,7	017	<u>Thanh</u>		4,3
20	115620201	Huỳnh Phan Phương Thảo	23/07/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	018	<u>Thảo</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: Trên máyCán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh Châu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Văn BaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20DC

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/3/2023

Phòng thi: 071.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620210	Võ Minh Thuận	06/02/2002	Nam	8,5	3,3	5,9	003	<u>TN</u>		
2	115620215	Cao Thị Minh Thư	14/06/2002	Nữ	8,5	3,5	6,0	004	<u>minh thư</u>		
3	115620219	Đặng Thị Cẩm Tiên	13/09/2002	Nữ	8,5	6,5	7,5	001	<u>tiên</u>		
4	115620220	Neáng Kim Tiến	12/08/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	005	<u>kim tiến</u>		
5	115620223	Đỗ Huỳnh Thảo Trang	26/03/2002	Nữ	9,5	5,3	7,4	006	<u>trang</u>		
6	115620224	Lê Hồng Huyền Trang	25/04/2002	Nữ	8,5	5,8	7,2	007	<u>hồng huyền</u>		
7	115620231	Nguyễn Thị Huyền Trân	13/06/2002	Nữ	8,5	5,3	6,9	008	<u>huyền trân</u>		
8	115620232	Trương Nguyễn Huyền Trân	05/04/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	002	<u>huyền trân</u>		
9	115620234	Đoàn Dương Huyền Trinh	20/10/2002	Nữ	9,0	4,8	6,9	009	<u>trinh</u>		
10	115620236	Phan Thị Thảo Trinh	06/08/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	010	<u>thảo trinh</u>		
11	115620241	Thị Cẩm Tú	18/01/2002	Nữ	9,5	4,3	6,9	011	<u>tú</u>		
12	115620243	Vương Thị Bích Tuyền	08/04/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	012	<u>tuyền</u>		
13	115620244	Nguyễn Thềm Linh Tử	30/12/2002	Nữ	8,5	5,3	6,9	013	<u>linh tử</u>		
14	115620250	Thiệu Võ	14/11/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	014	<u>thiệu</u>		
15	115620252	Nguyễn Phan Thảo Vy	06/07/2002	Nữ	8,5	5,0	6,8	015	<u>vy</u>		
16	115620255	Nhan Phi Yến	06/09/2002	Nữ	8,5	6,0	7,3	016	<u>phi yến</u>		
17	115620257	Thạch Thị Đa Ni	14/02/2001	Nữ	8,5	2,5	5,5	017	<u>đa ni</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ: 17

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20CNTP

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....22...../.....3...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trợ SV	Gh chú
1	116219020	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	21/09/2001	Nữ	✓	✓	✓	✓	✓		
2	116220006	Đỗ Chí Hưng	12/11/2002	Nam	8,5	3,3	5,9	006	4		
3	116220007	Hồ Xuân Hương	27/10/2002	Nữ	8,5	3,5	6,0	007	4		
4	116220012	Lê Tấn Lộc	02/10/2002	Nam	9,5	3,8	6,7	008	28		
5	116220016	Trần Thanh Phong	01/10/2002	Nam	8,5	3,8	6,2	009	4		
6	116220021	Phạm Thị Anh Trà	31/08/2001	Nữ	9,5	4,0	6,8	010	4		
7	116220022	Mai Huy Trí	19/11/2002	Nam	8,5	3,3	6,9	011	4		
8	116220023	Trần Ngọc Vi	16/12/2002	Nữ	8,5	3,5	6,0	012	4		
9	116220024	Lai Kim Yến	01/07/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	013	4		
10	116220026	Đặng Thị Kiều Diễm	11/11/2002	Nữ	8,5	3,5	6,0	014	4		
11	116220042	Phạm Thị Ngọc Trâm	28/03/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	015	4		
12	116220044	Nguyễn Thị Tú Trinh	16/06/2002	Nữ	9,5	4,5	7,0	016	4		
13	116220045	Phan Thị Thúy Vy	11/02/2002	Nữ	8,5	3,3	5,9	020	4		
14	116220048	Võ Hoàng Thúy Diễm	22/08/2002	Nữ	8,5	3,5	6,0	021	4		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....14.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....13.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....13.....

Tổng số tờ:.....13.....

Cán bộ coi thi 1:.....

.....Đặng Kim Hân.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

.....Phạm Văn Ba.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

.....Nguyễn Thị Lành.....

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20THA

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 3 / 2023Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114320001	Trần Thị Kim Anh	31/03/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	006	<u>Kim</u>		
2	114320006	Nguyễn Thị Trúc Giang	14/09/2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	007	<u>Truc</u>		
3	114320013	Trần Thị Cẩm Ly	21/11/2001	Nữ	8,5	4,5	6,5	008	<u>Camp</u>		
4	114320037	Nguyễn Thanh Trà	17/10/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	009	<u>Thanh</u>		
5	114320038	Lê Thị Bảo Trân	04/02/2002	Nữ	8,5	4,0	6,3	010	<u>Bao</u>		
6	114320140	Trần Thị Mỹ Xuyên	04/07/2002	Nữ	8,5	4,8	6,7	013	<u>My</u>		
7	114320142	Sơn Thị Sô Chane Đa	07/04/2001	Nữ	8,5	3,8	6,2	014	<u>Son</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Phước

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn SơnCán bộ kiểm tra: LinhNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20CNSH

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/3/2023

Phòng thi: D71-103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112620003	Trần Thị Thu Hồng	16/03/2002	Nữ	8,5	6,3	7,4	018	<i>Thuy</i>		
2	117720002	Cao Thị Tứ Mụi	09/06/2002	Nữ	8,5	4,5	6,5	001	<i>Cu</i>		
3	117720006	Trần Thị Mộng Khoa	31/07/2002	Nữ	8,5	3,0	5,8	003	<i>Zhm</i>		
4	117720007	Huỳnh Đoàn Thiện Phúc	28/04/2002	Nam	8,5	4,8	6,7	004	<i>K</i>		
5	117720009	Lê Đình Gia Triết	28/01/2002	Nam	8,5	3,8	6,2	005	<i>Mu</i>		
6	118820007	Trương Thị Thanh Huyền	07/10/2002	Nữ	8,5	2,5	5,5	017	<i>Thuy</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Đình Kim Hải*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *Trần Văn Kha*

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lành*

22/3
D71.103

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA19DA

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 3 / 2023

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	115619049	Nguyễn Nhật Lâm	23/07/2001	Nam	8,5	4,5	6,5	002	<u>22</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hải

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20YHDP

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 3 / 2023Phòng thi: D71: 157

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118320062	Bùi Việt Phát	29/05/2002	Nam	<u>10,0</u>	<u>4.8</u>	<u>7,4</u>	<u>091</u>	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:

[Signature] Nguyễn Duy Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

[Signature]
Trần Văn Lân

Cán bộ kiểm tra:

[Signature]
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (161 -)/DA20RHMB

CBGD: Nguyễn Thị Thu Sương (MN14)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 3 / 2023

Phòng thi: Đ71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116420023	Trần Trọng Hưng	15/10/2002	Nam	8,5	4,3	6,4	022	<u>Hy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Minh Linh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sương
Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra: lala

Nguyễn Thị Linh